

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 1228 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 897/TTr-STP ngày 13 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục THADS;
- Cục Hỗ trợ tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.
- SC-THÔNG 15



Nguyễn Mạnh Hùng



ĐỀ ÁN

Phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Kèm theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày...07 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong giai đoạn tới, xác định “*ngiên cứu việc xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp*”; Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đã xác định rõ việc xã hội hóa trong hoạt động thi hành án dân sự. Cụ thể:

“Ngiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình... từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án”; “ngiên cứu chế định thừa phát lại (Thừa hành viên), trước mắt có thể tổ chức thí điểm tại một số địa phương, sau vài năm, trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn sẽ có bước đi tiếp theo”.

Ngày 26/11/2015, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại (sau đây được viết tắt là Nghị quyết số 107/2015/QH13); theo Nghị quyết của Quốc hội, chấm dứt việc thí điểm và cho thực hiện chế định Thừa phát lại trong phạm vi cả nước kể từ ngày 01/01/2016.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức hoạt động Thừa phát lại (sau đây được viết tắt là Nghị định số 08/2020/NĐ-CP). Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP quy định: “*Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại ở địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt*”. Đây là cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc khu vực miền đông Nam bộ, với tổng diện tích tự nhiên 4.041,3 km², dân số 1.171.683 người, mật độ dân số 289,9 người/km² (đến ngày 31/12/2019). Tây Ninh nằm ở vị trí cầu nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Phnôm Pênh - Vương quốc Campuchia và là một trong những tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Tây Ninh có 01 thành phố, 02 thị xã và 06 huyện; thành phố Tây Ninh là Trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của tỉnh. Tây Ninh là một trong những cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng giữa Việt Nam với Campuchia, Thái Lan... Là tỉnh có vị trí quan trọng trong mối giao lưu trao đổi hàng hóa với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (*Báo cáo số 608-BC/TU, ngày 15/10/2020*) đánh giá: Trong 05 năm qua, kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, toàn diện, đạt được nhiều thành tựu nổi bật; Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,2% cao hơn mức bình quân của cả nước; Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,68 lần so với giai đoạn trước. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.135 USD, cao gấp 1,51 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm 76,9% trong GRDP (*tỷ trọng công nghiệp - xây dựng; dịch vụ; nông - lâm - thủy sản trong GRDP năm 2020 tương ứng: 44,5% - 32,4% - 20,3%*). Lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực, các chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết đề ra, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, y tế đạt nhiều kết quả. Khoa học - công nghệ tiếp tục đổi mới và phát triển; an sinh xã hội an ninh xã hội được đảm bảo; chính trị xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, góp phần cải thiện và nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần trong Nhân dân...; công tác cải cách tư pháp được quan tâm chỉ đạo đạt kết quả, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*". Hoạt động hỗ trợ tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực; công tác tuyên truyền phổ biến luôn được quan tâm; hoạt động trợ giúp pháp lý, luật sư, đấu giá tài sản, công chứng, chứng thực đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân.

Cùng với sự phát triển của kinh tế thì các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp; phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật do những mâu thuẫn khác nhau về lợi ích, đặt ra nhiệm vụ ngày càng nhiều cho các cơ quan chức năng. Nhu cầu đối với các dịch vụ pháp lý phát triển mạnh dẫn tới sự hình thành nhiều tổ chức có nhiệm vụ hỗ trợ về mặt pháp luật cũng như cung cấp dịch vụ pháp lý cho xã hội như: Luật sư, công chứng, đấu giá tài sản,.... Sự gia tăng các tranh chấp và vi phạm pháp luật dẫn đến trình trạng quá tải đối với cơ quan tư pháp trong việc xử lý các vi phạm, tranh chấp về trình tự, thủ tục điều tra, thu thập chứng cứ, xác minh hiện trạng, lấy lời khai, tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật đến việc cung cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự và thi hành án đều do các cơ quan nhà nước thực hiện; bộ máy chưa đủ về nhân sự với trình độ, phương tiện làm việc chưa đáp ứng. Vì vậy, tình trạng án tồn đọng chưa xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật chưa được thi hành đang là thực tế phải giải quyết.

2.2. Thực trạng về hoạt động của thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh

2.2.1. Kết quả hoạt động

Qua báo cáo đánh giá và số liệu thống kê công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cho thấy, số lượng việc phải thi hành án rất lớn, thường xuyên xếp thứ ba đến thứ năm so với toàn quốc. Kết quả thi hành án dân sự của các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến năm 2020 đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao.

Tuy nhiên, với số lượng vụ việc phải thụ lý hàng năm rất lớn, nhưng lực lượng Chấp hành viên mỏng; quy trình xử lý thi hành án phải qua nhiều giai đoạn, mất nhiều thời gian mới giải quyết xong vụ việc; ý thức chấp hành pháp luật của một số đối tượng phải thi hành án chưa cao, còn chây ì, cố tình né tránh hoặc lợi dụng việc khiếu nại để trì hoãn việc thi hành, do đó số lượng vụ việc tồn tương đối nhiều.

Theo số liệu thống kê trong 04 năm gần nhất (2017, 2018, 2019, 2020) công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh tổng số thụ lý 122.570 việc, có điều kiện thi hành 88.417 việc, thi hành xong 64.262 việc đạt tỷ lệ 72,68%, tồn 24.155 việc chiếm tỷ lệ 27,32%. Với tổng số Chấp hành viên trung bình 04 năm của cả tỉnh 70,5; trung bình mỗi Chấp hành viên phải tổ chức thi hành 313,54 việc/năm, nhưng chỉ hoàn thành 227,88 việc/năm. Trong đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu có số việc trung bình Chấp hành viên phải thực hiện cao nhất là 441,39 việc/năm, lần lượt là huyện Châu Thành: 391,17 việc/năm, huyện Tân Biên: 389,88 việc/năm, thành phố Tây Ninh: 371,54 việc/năm, thị xã Hòa Thành: 370,71 việc/năm, Cục Thi hành án dân sự tỉnh có số việc trung bình một Chấp hành viên phải thực hiện thấp nhất là 53,91 việc/năm (xem phân tích số liệu chi tiết tại Phụ lục 1).

2.2.2. Thực trạng về hoạt động tổng đạt các loại văn bản của quan Thi hành án dân sự

Trong lĩnh vực thi hành án dân sự, trung bình mỗi năm các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh thụ lý giải quyết khoảng hơn 30.642 vụ/năm. Với mỗi loại vụ việc, Chấp hành viên phải tổng đạt ít nhất 05 loại giấy tờ, như: Phiếu nhận đơn yêu cầu thi hành án, quyết định thi hành án, giấy triệu tập, các loại thông báo về thi hành án, biên bản tổng đạt quyết định thi hành án, giấy mời, biên bản xác minh, thông báo kê biên tài sản, định giá tài sản. Đối với vụ việc cần áp dụng biện pháp cưỡng chế, bán đấu giá tài sản, Chấp hành viên phải tổng đạt ít nhất trên 10 loại văn bản, giấy tờ và cả các vụ việc xác minh điều kiện thi hành án. Tính trung bình một năm cơ quan Thi hành án trên địa bàn tỉnh tổng đạt khoảng trên 153.210 văn bản, giấy tờ các loại.

Với lượng việc thụ lý cao, trình tự, thủ tục nhiều, do đó nhu cầu tổng đạt các văn bản, giấy tờ của cơ quan Thi hành án dân sự là rất lớn; lực lượng Chấp hành viên của tỉnh còn mỏng, các cơ quan Thi hành án dân sự mất nhiều thời gian và nhân lực để thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản, quyết định về thi hành án.

Việc chuyển văn bản tổng đạt qua dịch vụ bưu chính sẽ tiết kiệm thời gian tác nghiệp của Chấp hành viên, đặc biệt trong những trường hợp đương sự ở quá xa, nếu

cơ quan Thi hành án trực tiếp tổng đạt sẽ mất nhiều thời gian và phát sinh thêm chi phí. Tuy nhiên, việc chuyển văn bản tổng đạt qua dịch vụ bưu chính cũng có nhiều hạn chế như: Trong nhiều trường hợp người trực tiếp nhận văn bản tổng đạt không phải là người có tên trong văn bản, nhưng nhân viên bưu chính không ghi rõ người nhận là ai, quan hệ như thế nào với người được tổng đạt... Điều này có thể dẫn đến việc khi hết thời gian theo quy định, đương sự được triệu tập không đến vì không nhận được văn bản tổng đạt, nên việc thi hành án sẽ bị ảnh hưởng. Chấp hành viên không nắm rõ cụ thể văn bản tổng đạt đã đến tay người nhận hay không, thời gian nhận... ảnh hưởng đến thời gian giải quyết vụ việc, cũng như khả năng Chấp hành viên vi phạm trình tự, thủ tục về tổng đạt văn bản.

Nếu có Văn phòng Thừa phát lại thì cơ quan Thi hành án dân sự chỉ cần ký hợp đồng dịch vụ tổng đạt với Văn phòng Thừa phát lại, việc tổng đạt văn bản khi giao cho Thừa phát lại sẽ giúp cơ quan Thi hành án dân sự giảm tải công việc và tập trung được nhân lực và thời gian cho công tác chuyên môn chính là tổ chức thi hành bản án đảm bảo trình tự, thủ tục.

2.2.3. Đối với công tác xác minh điều kiện thi hành án và trực tiếp thi hành bản án

Tại khoản 5 Điều 44 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 quy định: *“Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự”*. Với quy định này đã giảm gánh nặng cho Chấp hành viên trong việc xác minh điều kiện thi hành án. Đồng thời, mở rộng quyền của người được thi hành án trong việc cung cấp thông tin liên quan đến tài sản của người phải thi hành án trong trường hợp thi hành án theo yêu cầu, làm cơ sở để Chấp hành viên tổ chức thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, người được thi hành án phần nhiều không biết phải đến cơ quan, tổ chức nào, gặp ai để yêu cầu cung cấp thông tin. Trong thực tế cho thấy, ngay cả khi người được thi hành án đến yêu cầu các cá nhân, cơ quan, tổ chức đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án cung cấp thông tin, xác minh thì gặp rất nhiều khó khăn do cá nhân, cơ quan, tổ chức không hợp tác. Việc xác minh điều kiện thi hành án, vốn là một điều kiện tiên quyết trong việc tổ chức thi hành án, việc để Thừa phát lại giúp người được thi hành án xác minh điều kiện thi hành án sẽ giúp người được thi hành án được hưởng quyền, lợi ích từ bản án, quyết định được thi hành, giúp tiết kiệm thời gian cho cán bộ thi hành án.

Hơn nữa, đối với loại án thuộc diện chủ động chưa có điều kiện thi hành, định kỳ cơ quan Thi hành án dân sự phải xác minh điều kiện thi hành nên mất nhiều thời gian. Đồng thời, với lượng án thụ lý rất lớn, việc sắp xếp thời gian xác minh định kỳ điều kiện của loại án này đa số Chấp hành viên chưa thực hiện đúng thời gian quy định dẫn đến vi phạm về trình tự, thủ tục thi hành án.

Người phải thi hành án thường có hành vi tẩu tán, che giấu tài sản nhằm né tránh nghĩa vụ thi hành án sau khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Điều này dẫn đến khó khăn cho cơ quan Thi hành án khi tiến hành xác minh tài sản của người phải thi hành án. Một số trường hợp tổ chức, cá nhân nắm giữ thông tin tài sản của người phải thi hành án nhưng thời gian phản hồi, cung cấp thông tin còn chậm.

Khi Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện, ngoài việc Văn phòng Thừa phát lại có thể thỏa thuận với đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án việc xác minh điều kiện thi hành án, thì Văn phòng Thừa phát lại còn có thể tổ chức thi hành bản án theo yêu cầu của đương sự, từ đó giúp cơ quan Thi hành án dân sự giảm tải công việc nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành án. Bên cạnh đó, còn tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện quyền của mình trong việc xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan Thi hành án dân sự; đồng thời, chủ động trong việc lựa chọn đơn vị tổ chức thi hành án là cơ quan Thi hành án dân sự hay Văn phòng Thừa phát lại nhằm bảo vệ một cách tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân.

2.3. Thực trạng về hoạt động của Tòa án

2.3.1. Kết quả hoạt động và hoạt động tổng đạt các loại văn bản

Theo các báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong 04 năm gần nhất (năm 2017, 2018, 2019, 2020) Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã thụ lý giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế, hôn nhân và gia đình, hành chính lao động với tổng số án trong 04 năm là: 52.583 vụ, trung bình 13.145,75 vụ/năm, số lượng án tăng mạnh trong năm 2018 và 2019; nếu năm 2017 là 12.278 vụ, thì năm 2018 là 13.832 vụ (*tăng 1.554 vụ so với năm 2017*), năm 2019 là 13.266 vụ (*tăng 988 vụ so với năm 2017*). Trong đó, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có số lượng vụ việc nhiều nhất: 1.590,50 vụ/năm; sau đó lần lượt là Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành: 1.584 vụ/năm, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu: 1.477,75 vụ/năm, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành: 1.430,75 vụ/năm, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu: 1.429,75 vụ/năm, (*xem phân tích số liệu chi tiết tại Phụ lục 2*).

Theo quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động tố tụng cho thấy, thủ tục giải quyết một vụ án, Tòa án phải thực hiện tổng đạt trung bình khoảng 10 loại giấy tờ, văn bản, như: Thông báo thụ lý vụ kiện; thông báo đóng án phí; giấy mời lấy lời khai, cung cấp chứng cứ; thông báo hòa giải; quyết định khẩn cấp tạm thời; giấy triệu tập đương sự; quyết định đưa vụ án ra xét xử; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; tổng đạt bản án, quyết định của Tòa án; thông báo kháng cáo (nếu có); thông báo bản án có hiệu lực pháp luật; ... Tính trung bình một năm Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh tổng đạt khoảng 131.457 văn bản, giấy tờ.

Tại Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về các phương thức cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thì việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện bằng các phương thức sau đây:

“1. Cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo.

2. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử

3. Niêm yết công khai.

4. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương thức khác theo quy định tại Chương XXXVIII của Bộ luật này.”

Hiện nay, việc tổng đạt văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính của Tòa án gặp nhiều vướng mắc bất cập; các văn bản chỉ chuyển đến địa chỉ mà Tòa án đã xác định trên bao thư còn việc người có tên trên bao thư ký nhận hay không, không được nhân viên bưu chính quan tâm. Cho nên, phát sinh nhiều trường hợp người khác nhận thay nhưng nhân viên bưu chính không ghi rõ người nhận là ai, quan hệ như thế nào với người được tổng đạt. Điều này dẫn đến tình trạng, đến thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và đưa ra xét xử... đương sự cố tình tránh né, không hợp tác, kết quả của việc tổng đạt nêu trên là không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Vì theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thì: *“Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính phải bằng thư bảo đảm và có xác nhận của người nhận văn bản tố tụng. Văn bản có xác nhận phải được chuyển lại cho Tòa án. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày họ xác nhận đã nhận được văn bản tố tụng do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến”*.

Bên cạnh đó việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính trong thời gian qua ngoài tình trạng người được tổng đạt không ký tên xác nhận đã nhận được văn bản tổng đạt, để người khác nhận thay, người nhận thay không ký tên, không biết người nhận thay là ai, có quan hệ như thế nào với người được tổng đạt, còn có tình trạng tổ chức dịch vụ bưu chính hoàn trả lại văn bản tổng đạt cho Tòa án, vì lý do không liên lạc được người nhận, mặc dù văn bản tố tụng của Tòa án có đầy đủ địa chỉ, số điện thoại để liên lạc với người nhận rõ ràng, cụ thể. Từ đó cho thấy trách nhiệm của nhân viên bưu chính chưa cao, do không có văn bản quy định về nội dung này, nhân viên bưu chính chỉ chịu trách nhiệm trong trường hợp làm thất lạc văn bản được giao.

Những vướng mắc trên đã dẫn đến việc khi đến thời gian mở phiên họp hòa giải, đối chất, xét xử ... nếu đương sự được triệu tập không đến thì việc giải quyết vụ án phải hoãn lại và thủ tục tổng đạt của Tòa án không đảm bảo theo quy định, làm ảnh hưởng đến tiến độ đưa vụ án ra xét xử.

Vì vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng do Thừa phát lại thực hiện sẽ hỗ trợ, nâng cao quả hoạt động của Tòa án; việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng

dân sự đảm bảo giá trị pháp lý của việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng. Do đội ngũ Thừa phát lại, đã được đào tạo nghiệp vụ chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao và am hiểu pháp luật.

2.3.2. Về tạo lập, bổ sung chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Tại khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, vấn đề này trên thực tế thì nhiều đương sự không thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định của pháp luật, gây khó khăn, trở ngại và làm cho việc giải quyết vụ án bị kéo dài dẫn đến tình trạng án quá thời hạn giải quyết, xét xử.

Do vậy, để góp phần tháo gỡ những khó khăn trên, việc tiến hành xác lập chứng cứ chứng minh thông qua hoạt động lập vi bằng của Thừa phát lại sẽ góp phần giúp các bên thực hiện quyền được xác lập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về dân sự, kinh tế, thương mại, hành chính, lao động; hỗ trợ cơ quan công chứng khi thực hiện công chứng các giao dịch và đặc biệt là chứng cứ trong hoạt động tố tụng tại Tòa án.

3. Sự cần thiết thành lập Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh

Với lượng án và tổ chức bộ máy, biên chế công chức như đã nêu trên, các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh hiện nay đang quá tải về công việc. Việc thực hiện Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần giảm tải công việc, giải quyết lượng án tồn đọng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự. Đồng thời, việc thực hiện Đề án sẽ khắc phục được các hạn chế trong công tác tổng đạt các loại văn bản hoạt động tố tụng, thi hành án dân sự và góp phần thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức hoạt động Thừa phát lại.

Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Các đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ hợp pháp. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh như đương sự. Như vậy, pháp luật dân sự đã quy định rõ, khi có quyền lợi dân sự bị xâm phạm, các bên có quyền khởi kiện để được bảo vệ, nhưng có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó là hợp pháp. Nếu không cung cấp được hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Nguyên tắc này, không những chỉ áp dụng

Việc xây dựng và thành lập Văn phòng Thừa phát lại phải theo lộ trình của tỉnh; gắn với địa giới hành chính và phân bố dân cư; số lượng vụ việc thụ lý của Tòa án, cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, phù hợp với tình hình và dự báo tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng kịp thời nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Trong giai đoạn đầu thực hiện Đề án (từ năm 2021-2025), phát triển mạng lưới Văn phòng Thừa phát lại có chọn lọc thành lập Văn phòng Thừa phát lại tại một số huyện, thị xã, thành phố có số lượng vụ việc xét xử, thi hành án dân sự lớn và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao của tỉnh, nhằm giảm tải công việc, giải quyết lượng án tồn, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động xét xử và thi hành án dân sự. Đồng thời, đảm bảo đáp ứng điều kiện thuận lợi để Văn phòng Thừa phát lại phát triển. Việc thực hiện mang tính thí điểm tại địa phương. Do vậy, ngoài việc lựa chọn những cá nhân, tổ chức đáp ứng đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, thì cần lựa chọn, ưu tiên những người có đạo đức nghề nghiệp, có uy tín, có kỹ năng, kinh nghiệm. Tập trung nguồn lực để quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại, bảo đảm hoạt động Thừa phát lại hiệu quả; tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò của Thừa phát lại, nhằm tạo thói quen của Nhân dân trong sử dụng dịch vụ để phát triển Thừa phát lại trong giai đoạn tiếp theo.

Trong những giai đoạn tiếp theo, mở rộng Thừa phát lại tại tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP: "*Không quá 02 Văn phòng Thừa phát lại tại 01 đơn vị hành chính cấp huyện là quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã; không quá 01 Văn phòng Thừa phát lại tại 01 đơn vị hành chính huyện*"; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại để phát huy vai trò của Thừa phát lại, theo đúng định hướng của Chính phủ và Bộ Tư pháp để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Lộ trình thực hiện chế định hành nghề thừa phát lại

Việc phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo lộ trình sau:

2.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025

- Tập trung xây dựng, thành lập Văn phòng Thừa phát lại, bước đầu đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Thừa phát lại tại tỉnh;

- Phát triển từ 01 đến 05 Văn phòng Thừa phát lại, được phân bố theo khu vực có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng điều kiện thuận lợi để xây dựng lộ trình thành lập Văn phòng Thừa phát lại. Đồng thời, có tính đến nhu cầu hoạt động xét xử và thi hành án dân sự theo từng đơn vị cấp huyện; góp phần giải quyết khó khăn về lượng án tồn đọng, các yêu cầu về thi hành án dân sự của tổ chức, cá nhân và số lượng Chấp hành viên (*sau đây được viết tắt là CHV*). Tính lượng án dân sự phải thi hành và việc lập vi bằng; ước tính 100 người dân có 01 người cần xác nhận vi

bằng (xem số liệu cụ thể tại phụ lục 3) thì các địa bàn cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại như sau:

- Thành phố Tây Ninh: Trong năm 2017, 2018, 2019, 2020 trung bình số lượng án dân sự phải thi hành là 10.403 vụ/năm/7 CHV; mỗi CHV phải thi hành 371,54 vụ/năm (tăng 15,61% so với số việc trung bình 01 CHV/năm của cả tỉnh phải thực hiện) đứng thứ tư trong tỉnh. Trung bình số lượng vụ án xét xử 1.590,50 vụ/năm đứng thứ nhất trong tỉnh. Tổng dân số đứng thứ sáu trong tỉnh với số lượng vi bằng cần lập trung bình trong một năm đứng thứ sáu trong tỉnh khoảng 1.344 vi bằng/134.426 dân. Ngoài ra, đóng trên địa bàn thành phố Tây Ninh còn có Tòa án nhân dân tỉnh với số lượng vụ án xét xử trung bình 980,25 vụ/năm và Cục Thi hành án dân sự tỉnh có số lượng án dân sự phải thi hành là 2.462 vụ/năm/12 CHV; mỗi CHV phải thi hành 35,67 vụ/năm.

- Thị xã Hòa Thành: Trong năm 2017, 2018, 2019, 2020 trung bình số lượng án dân sự phải thi hành là 11.492 vụ/năm/7,75 CHV; mỗi CHV phải thi hành 370,71 vụ/năm (tăng 15,42% so với số việc trung bình 01 CHV/năm của cả tỉnh phải thực hiện) đứng thứ năm trong tỉnh. Trung bình số lượng vụ án xét xử 1.584 vụ/năm đứng thứ hai trong tỉnh. Tổng dân số đứng thứ tư trong tỉnh với số lượng vi bằng cần lập trung bình trong một năm đứng thứ tư trong tỉnh khoảng 1.380 vi bằng/137.997 dân.

- Thị xã Trảng Bàng: Trong năm 2017, 2018, 2019, 2020 trung bình số lượng án dân sự phải thi hành là 9.502 vụ/năm/7 CHV; mỗi CHV phải thi hành 339,36 vụ/năm (tăng 7,61% so với số việc trung bình 01 CHV/năm của cả tỉnh phải thực hiện) đứng thứ bảy trong tỉnh. Trung bình số lượng vụ án xét xử 1.303 vụ/năm đứng thứ tám trong tỉnh. Tổng dân số đứng thứ nhất trong tỉnh với số lượng vi bằng cần lập trung bình trong một năm đứng thứ nhất trong tỉnh khoảng 1.785 vi bằng/178.461 dân.

- Huyện Châu Thành: Trong năm 2017, 2018, 2019, 2020 trung bình số lượng án dân sự phải thi hành là 9.388 vụ/năm/6 CHV; mỗi CHV phải thi hành 391,17 vụ/năm (tăng 19,85% so với số việc trung bình 01 CHV/năm của cả tỉnh phải thực hiện) đứng thứ hai trong tỉnh. Trung bình số lượng vụ án xét xử 1.477,75 vụ/năm đứng thứ tư trong tỉnh. Tổng dân số đứng thứ ba trong tỉnh với số lượng vi bằng cần lập trung bình trong một năm đứng thứ ba trong tỉnh khoảng 1.410 vi bằng/141.011 dân.

- Huyện Dương Minh Châu: Trong năm 2017, 2018, 2019, 2020 trung bình số lượng án dân sự phải thi hành là 10.152 vụ/năm/5,67 CHV; mỗi CHV phải thi hành 441,39 vụ/năm (tăng 28,97% so với số việc trung bình 01 CHV/năm của cả tỉnh phải thực hiện) đứng thứ nhất trong tỉnh. Trung bình số lượng vụ án xét xử 1.430,75/năm đứng thứ bảy trong tỉnh. Tổng dân số đứng thứ bảy trong tỉnh với số lượng vi bằng cần lập trung bình trong một năm đứng thứ bảy trong tỉnh khoảng 1.194 vi bằng/119.357 dân.

Do đó, trong giai đoạn 2021-2025 dự kiến thành lập Văn phòng Thừa phát lại (sau đây được viết tắt là Văn phòng) tại 05 địa bàn sau:

- Thành phố Tây Ninh: 01 Văn phòng;
- Thị xã Hòa Thành: 01 Văn phòng;
- Thị xã Trảng Bàng: 01 Văn phòng;
- Huyện Châu Thành: 01 Văn phòng;
- Huyện Dương Minh Châu: 01 Văn phòng;

2.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2026 trở về sau

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động Thừa phát lại; duy trì, ổn định các Văn phòng Thừa phát lại hiện có; phát triển tại các huyện Tân Biên, Bến Cầu, Gò Dầu và Tân Châu mỗi huyện 01 Văn phòng.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2 sẽ căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội và nhu cầu thực tế của địa phương sẽ phát triển thêm Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành và thị xã Trảng Bàng; mỗi địa phương thành lập tối đa không quá 02 Văn phòng, nhằm đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thừa phát lại theo định hướng chung và phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

Sau khi phát triển đủ số lượng Văn phòng Thừa phát lại tại các địa phương theo giai đoạn 01 đã đề ra, tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu về vi bằng theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Sở Tư pháp

1.1. Giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

1.2. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống tuyên truyền cơ sở tổ chức tuyên truyền rộng rãi để người dân hiểu về hoạt động của Thừa phát lại, thấy được vai trò và sự cần thiết của tổ chức này trong thực tiễn đời sống pháp lý; các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại và Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

1.3. Tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chí thẩm định hồ sơ đề nghị thành Văn phòng Thừa phát lại;

1.4. Tham mưu UBND tỉnh công bố, rà soát, sửa đổi, bổ sung, công bố lại bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thừa phát lại.

1.5. Thông báo Đề án và số lượng phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh sau khi UBND tỉnh phê duyệt.

1.6. Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả Đề án;

theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; báo cáo Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện Đề án này và các quy định của pháp luật về Thừa phát lại.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

3.1. Chỉ đạo Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc hỗ trợ cho hoạt động Thừa phát lại.

3.2. Xem xét quyết định chuyển giao và chỉ đạo Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét chuyển giao các văn bản cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại nếu thấy cần thiết.

3.3. Bên cạnh việc giao cơ quan Thi hành án dân sự thi hành bản án, quyết định, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo bổ sung quy định trong Bản án, Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao Văn phòng Thừa phát lại thi hành bản án, quyết định, tạo điều kiện để đương sự lựa chọn giữa cơ quan Thi hành án dân sự hoặc Văn phòng Thừa phát lại.

3.4. Định kỳ hàng năm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp về số lượng và chất lượng của vi bằng được sử dụng làm chứng cứ trong xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; báo cáo kết quả chuyển giao cho Văn phòng Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các văn bản của ngành Tòa án (nếu có).

3.5. Trong giai đoạn thực hiện Đề án, định kỳ hàng năm báo cáo tình hình hoạt động xét xử gửi cơ quan cấp trên thì đồng gửi Sở Tư pháp, để Sở Tư pháp có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

4.1. Tăng cường kiểm sát hoạt động của Thừa phát lại.

4.2. Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động Thừa phát lại.

4.3. Xem xét, quyết định chuyển giao và chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chuyển giao các văn bản cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại nếu thấy cần thiết.

4.4. Định kỳ hàng năm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tổng đạt các văn bản của Tòa án, các văn bản về thi hành án và trong hoạt động thi hành án của Thừa phát lại; báo cáo kết quả chuyển giao cho Văn phòng Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các văn bản của ngành Kiểm sát (nếu có).

5. Đề nghị Công an tỉnh

5.1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Thừa phát lại trong việc thực hiện các công việc của Thừa phát lại theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

5.2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin liên quan về đăng ký đối với những xe cơ giới phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo đề nghị của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

5.3. Chỉ đạo Công an các xã, phường, thị trấn phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại trong việc tổng đạt văn bản của Tòa án và cơ quan Thi hành án dân sự, xác minh điều kiện thi hành án theo quy định của pháp luật về tố tụng theo khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

5.4. Chỉ đạo Trại tạm giam, Nhà tạm giữ phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 180 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật liên quan.

6. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự

6.1. Chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố, các phòng trực thuộc cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

6.2. Xem xét, quyết định chuyển giao và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định chuyển giao các văn bản cần tổng đạt cho Văn phòng Thừa phát lại thực hiện nếu thấy cần thiết.

6.3. Chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố, các phòng trực thuộc phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động Thừa phát lại, đặc biệt là hỗ trợ về kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ thi hành án dân sự.

6.4. Định kỳ hàng năm thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp kết quả thực hiện các công việc về thi hành án dân sự của Thừa phát lại; báo cáo kết quả chuyển giao cho Văn phòng Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các văn bản của các cơ quan Thi hành án dân sự (nếu có).

6.5. Trong giai đoạn thực hiện Đề án, định kỳ hàng năm báo cáo tình hình hoạt động thi hành án dân sự gửi cơ quan cấp trên thì đồng gửi Sở Tư pháp, để Sở Tư pháp có cơ sở tham mưu UBND tỉnh thành lập Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh.

7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

7.1. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tư pháp đăng tải thông tin tuyên truyền về Thừa phát lại trên Trang thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện việc đưa tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền phổ biến trên các chuyên

trang, chuyên mục pháp luật về nội dung của các văn bản pháp luật liên quan đến Thừa phát lại.

7.2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn lập dự toán, bố trí kinh phí phục vụ cho việc thực hiện Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7.3. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, chi nhánh cấp huyện cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất) phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên; phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo Điều 178 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan;

7.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về đăng ký kinh doanh, đầu tư phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.5. Sở Giao thông vận tải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về đăng ký phương tiện thủy nội địa, xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tây Ninh hướng dẫn các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng phối hợp, hỗ trợ thông tin cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định của Điều 176 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.7. Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh thực hiện và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định của Điều 176 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.8. Cục Thuế tỉnh thực hiện và chỉ đạo các Chi Cục thuế huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin về thuế phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; Luật Quản lý thuế, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.9. Cục Hải quan cung cấp và chỉ đạo các Chi cục Hải quan cung cấp thông tin về thuế phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên theo quy định của Luật Thi

hành án dân sự, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.10. Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tây Ninh thực hiện và chỉ đạo Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại điều 177 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan;

7.11. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cho hoạt động của Thừa phát lại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

8.1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về thừa phát lại;

8.2. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các kênh thông tin ở địa phương để các tổ chức và Nhân dân hiểu về hoạt động của Thừa phát lại, thấy được vai trò và sự cần thiết của tổ chức này trong thực tiễn đời sống; các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại tại tỉnh Tây Ninh;

8.3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự quy định tại Điều 175 và Điều 180 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan; thực hiện việc tổng đạt văn bản của Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng và quy định pháp luật có liên quan;

8.4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả thông tin về giao dịch bảo đảm) phục vụ cho việc xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của Thừa phát lại tương tự như cung cấp thông tin cho Chấp hành viên và phối hợp, hỗ trợ cho Thừa phát lại thực hiện công việc về thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp với Thừa phát lại và Văn phòng Thừa phát lại trong việc thực hiện tổng đạt theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, việc lập vi bằng theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức cá nhân; phối hợp với Thừa phát lại và Văn phòng Thừa phát lại trong việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự theo yêu cầu của đương sự; tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân theo yêu cầu của đương sự và các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước đối với hoạt động của Thừa phát lại.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí để triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Từ năm 2017 đến hết năm 2020

Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

được phê duyệt tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)



Tên cục, chi cục thi hành án dân sự	Chấp hành viên (CHV) (người)		Kết quả thực hiện																Bình quân số việc 01 CHV phát thực hiện/năm	Bình quân số việc 01 CHV đã thực hiện xong/năm		
	2017				2018				2019				2020				Tổng					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)			(19)	
1. Huyện Dương Minh Châu	5.75	3.880	2.861	2.020	3.591	2.592	1.901	3.243	2.339	1.731	2.681	2.360	1.734	13.395	10.152	7.386	72.75%	441.39	321.13			
2. Huyện Châu Thành	6	3.058	2.326	1.736	3.044	2.271	1.653	3.256	2.428	1.826	3.066	2.363	1.775	12.424	9.388	6.990	74.46%	391.17	291.25			
3. Huyện Tân Biên	6.25	3.262	2.407	1.728	3.413	2.383	1.716	3.571	2.481	1.813	3.305	2.476	1.886	13.551	9.747	7.143	73.28%	389.88	285.72			
4. Thành phố Tây Ninh	7	3.550	2.655	1.898	3.525	2.520	1.830	3.666	2.579	1.909	3.536	2.649	1.855	14.277	10.403	7.492	72.02%	371.54	267.57			
5. Thị xã Hòa Thành	7.75	4.457	3.287	2.331	4.119	3.009	2.189	4.089	2.891	2.162	3.349	2.305	1.774	16.014	11.492	8.456	73.58%	370.71	272.77			
6. Huyện Tân Châu	7.5	3.496	2.643	1.856	3.448	2.381	1.719	3.603	2.423	1.783	3.833	2.785	1.796	14.380	10.232	7.154	69.92%	341.07	238.47			
7. Thị xã Trảng Bàng	7	3.799	2.720	1.939	3.218	2.118	1.533	3.519	2.466	1.854	3.011	2.198	1.726	13.547	9.502	7.052	74.22%	339.36	251.86			
8. Huyện Gò Dầu	7.75	3.680	2.367	1.682	3.959	2.614	1.891	4.237	2.932	2.161	3.188	2.552	1.789	15.064	10.465	7.523	71.89%	337.58	242.68			

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
CÁC LOẠI ÁN CỦA NGÀNH TÒA ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
Từ năm 2017 đến hết năm 2020

(kèm theo Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 1228./QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Tên Tòa án nhân dân	Kết quả thực hiện của Tòa án					Số vụ án giải quyết trung bình trong 1 năm
	Tổng	2017	2018	2019	2020	
1. Thành phố Tây Ninh	6,362	1,478	1,705	1,557	1,622	1,590.50
2. Thị xã Hòa Thành	6,336	1,421	1,793	1,703	1,419	1,584.00
3. Huyện Tân Châu	5,911	1,250	1,506	1,574	1,581	1,477.75
4. Huyện Châu Thành	5,723	1,421	1,460	1,447	1,395	1,430.75
5. Huyện Gò Dầu	5,719	1,244	1,660	1,506	1,309	1,429.75
6. Huyện Tân Biên	5,276	1,275	1,358	1,271	1,372	1,319.00
7. Huyện Dương Minh Châu	5,265	1,295	1,258	1,317	1,395	1,316.25
8. Thị xã Trảng Bàng	5,212	1,320	1,352	1,279	1,261	1,303.00
9. Huyện Bến Cầu	2,858	720	808	634	696	714.50
10. Tòa án nhân dân tỉnh	3,921	854	932	978	1,157	980.25
Tổng	52,583	12,278	13,832	13,266	13,207	13,145.75

Lưu ý: Số thứ tự các huyện, thị xã, thành phố được xếp theo số lượng án giải quyết trung bình trong 01 năm từ cao xuống thấp

PHỤ LỤC 3
DIỆN TÍCH, DÂN SỐ TRUNG BÌNH VÀ
ƯỚC SỐ LƯỢNG VI BẰNG CẦN LẬP

*(kèm theo Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa
bàn tỉnh Tây Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 1228./QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

	Diện tích (Km ²)	Dân số trung bình năm 2019 (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)	Số vi bằng cần lập (Ước tính 01 vi bằng/100 dân)
1. Thị xã Trảng Bàng	340.2	178,461	524.7	1,785
2. Huyện Gò Dầu	260.0	153,074	588.8	1,531
3. Huyện Châu Thành	580.9	141,011	242.7	1,410
4. Thị xã Hòa Thành	82.9	137,997	1,664.1	1,380
5. Huyện Tân Châu	1,103.2	134,976	122.3	1,350
6. Thành phố Tây Ninh	140.0	134,426	960.1	1,344
7. Huyện Dương Minh Châu	435.6	119,357	274.0	1,194
8. Huyện Tân Biên	861.0	102,397	118.9	1,024
9. Huyện Bến Cầu	237.5	69,984	294.7	700

Lưu ý: Số thứ tự các huyện, thị xã, thành phố được xếp theo số lượng vi bằng cần lập từ cao xuống thấp